

Bản án số: 646/2019/HS-ST

Ngày 28 tháng 11 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN - TỈNH THÁI NGUYÊN
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Phụng

2. Bà Nguyễn Thị Mai Hoa

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Thái - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Vũ Xuân Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại Hội trường, Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử công khai, sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 635/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 641/2019/QĐXXST- HS ngày 13 tháng 11 năm 2019, đối với bị cáo:

Vũ Ngọc H, sinh ngày 30/10/1975.

ĐKKH: tổ 11, phường TT, TP. TH, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Văn hóa: lớp 7/12; Nghề nghiệp: không. Con ông: Vũ Mạnh H (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị N, sinh năm 1948. Gia đình có bốn anh chị em, bị cáo là thứ ba; chưa có vợ, con. Tiền sự: Không.

- Tiền án: Tại bản án số 181/2017/HSST ngày 18/7/2017 của Tòa án nhân dân quận BL, thành phố NH xử phạt 16 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”, ra trại ngày 22/9/2018.

- Nhân thân:

+ Tại bản án số 16/HSST ngày 07/3/1998 của Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 12 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/12/1998, nộp án phí ngày 17/4/2009.

+ Tại bản án số 53/HSPT ngày 23/3/2000 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử phạt 15 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/01/2001, nộp án phí ngày 17/4/2009.

+ Tại bản án số 183/HSPT ngày 10/12/2001 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử phạt 24 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/4/2003, nộp án phí ngày 28/9/2007.

+ Tại bản án số 96/HSST ngày 18/5/2005 của Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 30 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/5/2007, nộp án phí ngày 11/4/2007.

Bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên từ ngày 26/7/2019 đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại:

Chị Ma Thị T, sinh năm 1983 (có đơn xin xử vắng mặt);
HKTT: Tổ 18, phường Thịnh Đán, thành phố TH.

Người có quyền lợi liên quan:

Nguyễn Thanh H, sinh năm 1978 (có đơn xin xử vắng mặt);
HKTT: Tổ 3, phường LT, thành phố TH.

Người có nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Thị N, sinh năm 1948 (vắng mặt tại phiên tòa)
HKTT: Tổ 11, phường TT, thành phố TH.
2. Dương Thị H, sinh năm 1973 (có mặt tại phiên tòa)
HKTT: Tổ 11, phường TT, thành phố TH.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 14/7/2019, Vũ Ngọc H đi bộ một mình đến khu dân cư thuộc tổ 18, phường ĐT, thành phố TH mục đích xem nhà ai có tài sản sơ hở thì trộm cắp. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, H đi đến nhà chị Ma Thị T, thấy cổng và cửa ra vào đóng khóa, trong nhà tắt điện, xung quanh không có người đi lại nên H nảy sinh ý định vào nhà để trộm cắp tài sản. H trèo qua cánh cổng bằng kim loại phía bên trái vào trong sân nhà chị T. Tại đây, H đứng quan sát xung quanh thì thấy có 01 (một) chiếc túi xách tay giả da màu đen, nhãn hiệu ELLY để trên giá để giày cạnh cửa ra vào nhà chị T, H đến lấy túi xách mở ra xem thấy bên trong túi xách có rất nhiều thẻ nạp tiền điện thoại của mạng Viettel với nhiều mệnh giá khác nhau từ 10.000 đồng đến 500.000 đồng chưa qua sử dụng và 01 (một) chiếc ví giả da màu đen, nhãn hiệu Channel, H mở ví ra thấy bên trong ví có nhiều loại tiền mệnh giá khác nhau. H dùng tay phải cầm lấy chiếc túi xách trên rồi trèo qua cánh cổng sắt đi thẳng về nhà. Khi về đến bãi rác thải (thuộc tổ 11, phường TT, thành phố TH) gần nhà H thì H lấy toàn bộ số tiền và thẻ nạp điện thoại trong túi xách và ví ra bọc vào trong áo đang mặc trên người rồi vứt túi xách và ví vào bãi rác thải. Khi về đến nhà, H đi vào trong phòng ngủ của mình bỏ tiền và thẻ điện thoại ra đếm được tổng số tiền là 131.000.000 đồng và số thẻ nạp của mạng Viettel trị giá khoảng hơn 79.000.000 đồng (do H không đếm cụ thể). Sau đó, H cất tiền và số thẻ nạp trên vào gầm tủ đựng quần áo bằng gỗ trong phòng ngủ của mình rồi đi ngủ. Đến khoảng 08 giờ ngày 15/7/2019, H dậy lấy số thẻ nạp tiền điện thoại gồm: 40 (bốn mươi) thẻ nạp mệnh giá 20.000 đồng, 24 (hai mươi bốn) thẻ nạp mệnh giá

50.000 đồng, 04 (bốn) thẻ nạp mệnh giá 100.000 đồng, 03 (ba) thẻ nạp mệnh giá 200.000 đồng, tổng tiền thẻ là 3.000.000 đồng mang đến bán cho chị Nguyễn Thanh H, chủ cửa hàng tạp hóa “Hà Vinh” thuộc tổ 3, phường LT, thành phố TH với giá 2.500.000 đồng. Những ngày sau đó, H lấy 1.600.000 đồng trong số tiền 131.000.000đ trộm cắp được ra sử dụng, còn lại 129.400.000 đồng và số thẻ nạp tiền điện thoại còn lại H cất giấu xuống dưới gầm tủ trong phòng ngủ của mình. Đến sáng ngày 20/7/2019, do mạng Viettel có chương trình khuyến mãi nạp thẻ 20% nên H có cho chị Dương Thị H, là chị dâu của H 01 thẻ nạp tiền của mạng Viettel mệnh giá 100.000 đồng có seri 10003913830719 để nạp tiền vào điện thoại của chị Hiền và H nạp 01 thẻ của mạng Viettel mệnh giá 50.000 đồng có số seri 10003450210094 vào điện thoại có số thuê bao 0977481232 là số điện thoại của bà Nguyễn Thị N là mẹ đẻ của H. Cả 02 chiếc thẻ nạp tiền trên đều kích hoạt, nạp tiền thành công.

Sáng ngày 15/7/2019, sau khi ngủ dậy và phát hiện bị mất tài sản, chị Ma Thị T đến Công an T phố TH để trình báo. Tại Cơ quan điều tra, chị T khai báo mất trộm số tài sản gồm: 01 (một) chiếc túi xách bằng da màu đen, nhãn hiệu ELLY đã qua sử dụng, bên trong có 01 (một) ví giả da màu đen, nhãn hiệu CHANNEL đã qua sử dụng, số tiền 131.000.000 đồng gồm nhiều tờ tiền mệnh giá khác nhau và số thẻ nạp tiền điện thoại mạng Viettel gồm: 20 thẻ nạp mệnh giá 500.000 đồng, 35 thẻ nạp mệnh giá 200.000 đồng, 411 thẻ nạp mệnh giá 100.000 đồng, 346 thẻ nạp mệnh giá 50.000 đồng, 231 thẻ nạp mệnh giá 20.000 đồng và 16 thẻ nạp data mệnh giá 10.000 đồng. Tổng giá trị số thẻ nạp là 80.180.000 đồng (Tất cả số thẻ nạp trên đều có bảng kê xuất kho và số serial cụ thể).

Sau khi nhận đơn trình báo của chị T, Cơ quan điều tra tiến hành triệu tập Vũ Ngọc H đến để làm việc và tiến hành Lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của H. Qua khám xét phát hiện tại phía dưới ngăn kéo tủ bằng gỗ trong phòng ngủ của H số tiền 129.400.000 đồng và số thẻ nạp của mạng Viettel gồm: 20 thẻ nạp mệnh giá 500.000 đồng, 35 thẻ nạp mệnh giá 200.000 đồng, 405 thẻ nạp mệnh giá 100.000 đồng, 316 thẻ nạp mệnh giá 50.000 đồng, 190 thẻ nạp mệnh giá 20.000 đồng và 16 thẻ nạp data mệnh giá 10.000 đồng. Toàn bộ số thẻ nạp trên có số serial trùng khớp với số serial của số thẻ nạp chị T trình báo bị mất trộm.

Sau khi biết số thẻ nạp tiền điện thoại mà H bán cho cửa hàng là tài sản do H trộm cắp mà có, ngày 16/7/2019 chị Nguyễn Thanh H đã tự nguyện giao nộp toàn bộ số thẻ nạp thẻ điện thoại trên cho Cơ quan điều tra.

Tại Kết luận định giá tài sản số 228/HĐĐGTS ngày 12/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố TH xác định giá trị thiệt hại của 01 (một) chiếc túi xách nữ, bằng da, màu đen, nhãn hiệu ELLY, đã qua sử dụng, định giá 300.000 đồng; 01 (một) ví giả da, màu đen, nhãn hiệu CHANNEL, đã qua sử dụng, định giá 30.000 đồng. Hội đồng định giá tài sản xác định tổng giá trị của các tài sản trên là: 330.000 đồng (*Ba trăm ba mươi lăm ngàn đồng*).

Vật chứng của vụ án là: 01 (Một) túi xách bằng da màu đen, nhãn hiệu ELLY, đã qua sử dụng; 01 (Một) chiếc ví giả da, màu đen, nhãn hiệu CHANNEL đã qua sử dụng; 1.600.000 đồng (một triệu sáu trăm nghìn đồng); 09 thẻ nạp tiền điện thoại của mạng Viettel gồm: 02 thẻ nạp mệnh giá 100.000 đồng, 06 thẻ nạp

mệnh giá 50.000 đồng và 01 thẻ nạp mệnh giá 20.000 đồng. Số tài sản trên hiện không thu hồi được, chị Ma Thị T không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Còn 129.400.000 đồng và 16 thẻ nạp data mệnh giá 10.000 đồng, 230 thẻ nạp mệnh giá 20.000 đồng, 340 thẻ nạp mệnh giá 50.000 đồng, 409 thẻ nạp mệnh giá 100.000 đồng, 35 thẻ nạp mệnh giá 200.000 đồng và 20 thẻ nạp mệnh giá 500.000 đồng đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu là chị Ma Thị T quản lý và sử dụng.

Tại bản cáo trạng số 626/CT-VKSTPTN ngày 08/11/2019, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố bị cáo Vũ Ngọc H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 TTHS.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Vũ Ngọc H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Chị Dương Thị Hiền trình bày: Chị được em chồng là Vũ Ngọc H cho một thẻ điện thoại trị giá 100.000đ. Chị không biết đó là tài sản do H trộm cắp mà có.

Kết thúc thẩm vấn, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Vũ Ngọc H phạm tội: “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm a, khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 TTHS, xử phạt Vũ Ngọc H từ 9 năm tù đến 10 năm tù; Buộc bị cáo hoàn trả cho chị Hà số tiền 2.500.000đ và buộc phải nộp án phí HSST nộp ngân sách nhà nước.

Bị cáo không tranh luận, thừa nhận việc truy tố và xét xử là không oan, đúng người, đúng tội. Trong lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ mức án.

Căn cứ vào những chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người có quyền lợi liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Nguyên, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã mô tả, bị cáo xác định Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố là đúng người, đúng tội. Xét thấy lời nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là tự nguyện, khách quan, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Đơn trình báo, biên bản khám xét, lời khai người bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản nhận dạng, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có liên quan. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Khoảng 23 giờ ngày 14/7/2019, tại nhà chị Ma Thị T thuộc tổ 18, phường ĐT, thành phố TH, Vũ Ngọc H có hành vi trộm cắp của chị

T những tài sản gồm: 01 túi xách bằng da màu đen, nhãn hiệu ELLY đã qua sử dụng, 01 chiếc ví giả da, màu đen nhãn hiệu Channel, đã qua sử dụng. Bên trong túi xách có: 131.000.000 đồng và nhiều thẻ nạp điện thoại của mạng Viettel nhiều mệnh giá khác nhau trị giá 80.180.000 đồng. Tổng giá trị tài sản H trộm cắp của chị T là: 211.510.000 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản; bị cáo chiếm đoạt tài sản trị giá trên 200.000.000đ nên phải chịu tình tiết định khung quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 TTHS. Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản viện dẫn nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ, hành vi: Xét tính chất mức độ của vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xét xử bằng pháp luật hình sự và có một mức án phù hợp, buộc cách ly bị cáo một thời gian để cải tạo giáo dục, đồng thời răn đe phòng chống tội phạm chung.

Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo có nhân thân xấu, đã bốn lần bị Tòa án nhân dân thành phố TH xử phạt tù giam đều về tội Trộm cắp tài sản. Năm 2017 bị cáo bị Tòa án nhân dân quận BL, thành phố NH xử phạt tù giam về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích lại tiếp tục tái phạm với tính chất mức độ phạm tội ngày càng nguy hiểm hơn.

Trong vụ án này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 TTHS. Bị cáo được hưởng một tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 TTHS. Xét thấy nên giảm cho bị cáo một mức án, để thấy rõ lượng khoan hồng của pháp luật, tích cực cải tạo tốt, sớm trở về với gia đình và xã hội.

Mức hình phạt mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị nêu trên là phù hợp.

Trong vụ án này còn có bà Nguyễn Thị N và chị Dương Thị H là những người được H nạp tiền điện thoại trực tiếp và cho thẻ nạp tiền Viettel để nạp tiền; chị Nguyễn Thanh H là chủ cửa hàng tạp hóa “Hà Vinh” là người mua số thẻ nạp điện thoại của H. Quá trình điều tra xác định bà N, chị H, chị H không biết số thẻ nạp thẻ điện thoại nêu trên là tài sản do H phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Số tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được cơ bản thu lại trả cho chị Ma Thị T; phần còn lại chị T không yêu cầu H bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị Nguyễn Thanh H yêu cầu H trả lại số tiền 2.500.000 đồng, xét thấy yêu cầu trên của chị H là chính đáng, cần buộc bị cáo trả lại khoản tiền trên.

[5]. Bị cáo phải nộp án hình sự sơ thẩm và án phí DSST. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Ngọc H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng điểm a, Khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 TTHS xử phạt:

- Vũ Ngọc H 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/7/2019.

Căn cứ Điều 329 TTTTHS: Quyết định tạm giam bị cáo 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận chị Ma Thị T không yêu cầu bị cáo trả lại số tài sản còn tH không thu hồi được.

- Áp dụng Điều 46 TTHS: Buộc bị cáo trả cho chị Nguyễn Thanh H số tiền 2.500.000đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, chị Nguyễn Thanh H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo không tự nguyện trả các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bị cáo còn phải trả khoản tiền lãi, tính theo mức lãi xuất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định, tương đương với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 TTTTHS năm 2015; Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 200.000đ (năm trăm ngàn đồng) án phí DSST vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày; kể từ ngày tuyên án đối với bị cáo; kể từ ngày người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND TPTH;
- Công an TPTH;
- TAND, VKSND tỉnh TN;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADSTPTH;
- Bị cáo, bị hại; NLQ;
- UBND nơi BC cư trú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hà